

Thích ứng với biến đổi khí hậu trong một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của người Thái và người Hmông ở tỉnh Sơn La¹

Phạm Thị Cẩm Vân^(*)

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu cách thức mà người Thái và người Hmông ở xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La thích ứng với sự thay đổi bất thường của thời tiết trong một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp; chỉ ra những thuận lợi, rào cản đối với họ trong quá trình thích ứng đó.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, Dân tộc Thái, Dân tộc Hmông, Sinh kế, Tỉnh Sơn La

Abstract: The paper explores how Thai and Hmong ethnic groups in Quang Huy commune, Phu Yen district, Son La province adapt to unusual weather changes in several off-farm activities. Against this background, it indicates relevant advantages and disadvantage related to adaptation process to local residents.

Keywords: Climate Change, Thai People, Hmong People, Livelihood, Son La Province

Mở đầu

Việt Nam được đánh giá là một trong 15 quốc gia đã và đang chịu tác động lớn nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH) (UNFCCC, 2007). BĐKH khiến lũ quét và sạt lở đất, hạn hán có xu thế tăng lên ở các vùng núi. Các nghiên cứu về BĐKH ở Việt Nam nói chung và khu vực miền núi nói riêng đã thực hiện ở nhiều chiều cạnh: i) nghiên cứu những kịch bản về BĐKH và ứng phó với BĐKH chủ yếu

nhìn dưới góc độ kỹ thuật (Viện Khí tượng thủy văn và Môi trường, 2010; Mai Trọng Nhuận, 2004...); ii) nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH đến một số lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp năng lượng sức khỏe... (Viện Môi trường nông nghiệp, 2012; FAO, 2012...); iii) nghiên cứu BĐKH trong mối quan hệ với cộng đồng (CECI, 2005; CERED, 2008, Trần Hồng Hạnh, 2017; Phạm Thị Cẩm Vân, 2018...). Hướng nghiên cứu tìm hiểu những ứng phó với BĐKH dưới góc nhìn từ cộng đồng nhằm tìm ra biện pháp thích ứng ngắn hạn của người dân đang được chú ý.

Quang Huy là xã nằm ở phía Tây Bắc của huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khu vực này mang những nét đặc trưng của tỉnh Sơn

¹ Bài viết là một phần kết quả của Đề tài cấp Bộ “Ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái ở tỉnh Sơn La” do TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà và TS. Phạm Thị Cẩm Vân đồng chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì, thực hiện năm 2019-2020.

(*) TS. Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: phamcamvan0403@gmail.com

La: vừa có núi cao, vừa có lòng chảo, thung lũng giữa núi. Địa hình núi cao 1.000 m - 3.000 m so với mực nước biển, là nơi sinh sống của cộng đồng người Hmông; địa hình lòng chảo, thung lũng giữa núi nằm ở độ cao 169 m so với mực nước biển, là nơi tập trung người Thái, người Mường sinh sống¹ (UBND tỉnh Sơn La, 2019). Trong khoảng 10 năm trở lại đây, thời tiết mưa nắng, băng tuyết bất thường, nhiệt độ tăng cao, đã tác động đến đời sống của cộng đồng cư dân địa phương nơi đây.

Nhằm cung cấp thêm tư liệu về tác động của BĐKH tới một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của cộng đồng người Hmông và người Thái ở xã Quang Huy, bài viết tập trung nghiên cứu tại bản Mo Nghè 2 và bản Suối Ó² với các nội dung sau: (i) Xác định xu thế thay đổi của thời tiết; (ii) Cách thức ứng phó của người dân trước sự thay đổi của thời tiết trong một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp; (iii) Phân tích những yếu tố khách quan, chủ quan tạo nên thuận lợi và rào cản đối với

người Hmông và người Thái trong ứng phó với BĐKH.

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là điền dã dân tộc học, tháng 10/2019 và tháng 6/2020; tổ chức phỏng vấn sâu (PVS), thảo luận nhóm 20 cuộc với đại diện là các nhóm có tham gia hoạt động sinh kế phi nông nghiệp, các nhà quản lý tại địa phương. Phân tích, so sánh cách thức ứng phó của hai cộng đồng người Thái và người Hmông cũng được thực hiện trong cả quá trình nghiên cứu.

2. Biến đổi khí hậu tại địa bàn nghiên cứu

Xã Quang Huy nói riêng và huyện Phù Yên nói chung nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa trong năm: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 và mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Mùa khô thường xuất hiện gió tây khô nóng. Nhiệt độ không khí trung bình trong năm là 20,9°C, nhiệt độ tối cao trung bình là 27,5°C, tối thấp trung bình 16,9°C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối 39,8°C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối -0,5°C. Độ ẩm không khí trung bình năm 80%, lượng mưa trung bình 1.500 mm - 1.600 mm/năm (UBND tỉnh Sơn La, 2018). Trong những năm qua, xuất hiện những biểu hiện bất thường của thời tiết ở nơi đây như:

Về nhiệt độ: Từ năm 2007-2017, theo số liệu của trạm đo ở huyện Phù Yên, nhiệt độ trung bình trong mùa đông ở đây tăng 0,7-1,1°C, mùa hè tăng khoảng 0,5°C. Tần suất xuất hiện nhiệt độ cao từ 39°C đến trên 40°C là 14 lần/10 năm, có lúc nhiệt độ lên tới 40,3°C (Trạm khí tượng thủy văn huyện Phù Yên, 2007-2017). Tuy nhiên, có những năm mùa đông lại xuất hiện băng tuyết.

Người dân tại địa bàn nghiên cứu cũng cảm nhận được nhiệt độ ở huyện Phù Yên

¹ Xã Quang Huy có tổng diện tích tự nhiên là 4.578 ha, với 22 bản. Về cơ cấu dân cư, toàn xã có 1.877 hộ với 8.230 nhân khẩu, trong đó người Thái chiếm 79,12%, người Hmông chiếm 11,88%, người Mường chiếm 7,62%, người Kinh chiếm 1,38%. Về cơ cấu kinh tế của xã, nông nghiệp chiếm 60%, xây dựng 20%, thương mại dịch vụ 20%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 33,85 triệu đồng/người/năm. Toàn xã có 204 hộ nghèo, chiếm 11,02% tổng số hộ (UBND xã Quang Huy, 2019a).

² Bản Mo Nghè 2 cách trung tâm xã Quang Huy 3 km, có 209 hộ người Thái với 860 khẩu. Tại đây, người dân phát triển trồng lúa, cây ăn quả có múi và kinh doanh buôn bán nhỏ dọc tỉnh lộ. Bản Suối Ó cách trung tâm xã Quang Huy 7 km với 100 hộ, 632 khẩu đều là người Hmông (UBND xã Quang Huy, 2019a). Sinh kế chính của người dân Suối Ó là nông nghiệp và lâm nghiệp, làm thuê mới xuất hiện 5 năm gần đây.

những năm gần đây có xu hướng tăng lên. Các cây trồng ưa thời tiết mát (cây táo) đã không còn đậu quả tại vùng đất này. Ngược lại, những loại hoa quả nhiệt đới như mít thái, cam vinh, bơ, quýt đường lại cho sai quả sau 2-3 năm ương trồng. Thời tiết năm 2020 diễn biến hết sức thất thường và khó dự đoán. *Mọi năm tầm tháng 4 có gió Lào, tháng 3 có 3 ngày gió Lào, tháng 4 có 4 ngày, năm nay cuối tháng 5 chưa thấy gió Lào, chỉ thấy nắng gắt. Năm nay mưa quá nhiều, đầu năm mưa nhiều hơn so với mọi năm, tháng 2, 3 đã có những trận mưa lớn kéo dài cả ngày* (PVS, nữ, 48 tuổi, bán thuốc thú y, bản Mo Nghè 2). Kết quả khảo sát tại bản Mo Nghè 2 vào tháng 10/2019 cho thấy, 15% số hộ ở bản này sử dụng điều hòa nhiệt độ do thời tiết nóng hơn.

Về lượng mưa: Lượng mưa ở địa bàn nghiên cứu có xu thế giảm trong cả mùa mưa và mùa khô. Từ năm 2007-2010, số ngày có lượng mưa lớn hơn 50 mm trong mùa khô là 11 ngày, trong mùa mưa là 20 ngày. Từ năm 2011-2017, con số tương ứng là 10 ngày và 17 ngày (Trạm khí tượng thủy văn huyện Phù Yên, 2007-2017).

Một số hiện tượng khí hậu cực đoan: Theo thống kê từ năm 2015-2018 của UBND xã Quang Huy, hầu như năm nào gió lốc và mưa lũ cũng gây thiệt hại nhiều cơ sở hạ tầng, hoa màu và vật nuôi của người dân. Riêng năm 2018, vào các tháng 3, 5, 6 liên tục có gió lốc, mưa lớn gây ra lũ quét và sạt lở đất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của tất cả các bản trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, ngay từ tháng 01/2020, tại địa bàn nghiên cứu đã ghi nhận trận mưa đá kéo dài hàng giờ, kích thước viên đá khoảng 3 - 5 cm, một hiện tượng chưa từng xảy ra ở đây (UBND xã Quang Huy, 2019b).

3. Tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu trong một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của người Thái và người Hmông

Hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của người Thái tại bản Mo Nghè 2 khá đa dạng, bao gồm: viên chức nhà nước (29 hộ); kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ dọc tỉnh lộ (25 hộ); nghề thủ công truyền thống (13 hộ), làm thuê/công nhân trong và ngoài tỉnh (trên 100 hộ) (UBND xã Quang Huy, 2019a). Trong khi đó, hoạt động này ở người Hmông chủ yếu là đi làm thuê. Vậy, những hoạt động nào sẽ chịu tác động từ sự thay đổi bất thường của thời tiết nơi đây? Theo kết quả khảo sát thực địa của Đề tài, hai ngành nghề chịu tác động nhiều hơn cả tại địa bàn nghiên cứu là nghề thủ công truyền thống và hoạt động đi làm thuê.

a) Nghề thủ công truyền thống của người Thái ở Mo Nghè 2

Hiện nay, phụ nữ Thái ở Mo Nghè 2 vẫn duy trì được nghề dệt. Tuy nhiên, những người biết dệt cũng đã ở độ tuổi ngoài 50, đa số thanh niên dưới 30 tuổi không còn thông thạo việc này. Hiện nay, Mo Nghè 2 có 5 tổ dệt, mỗi tổ có 6 người, tổng cộng có khoảng 30 người¹. Theo những nhóm dệt này, sự thay đổi của thời tiết, đặc biệt là nhiệt độ có xu hướng nóng lên đã tác động đến quá trình làm sợi dệt, thời gian ngồi dệt và sản phẩm dệt (Điều tra thực địa, tháng 6/2020).

Về nguyên liệu dệt: để có sợi dệt, đặc biệt là dệt mặt chần, các nghệ nhân nơi đây phải thực hiện công đoạn nhuộm sợi. Đầu

¹ Trước năm 1990, ở Mo Nghè 2 hầu như hộ gia đình nào cũng có khung dệt vải. Tuy nhiên, do nhu cầu của thị trường mà nghề dệt ở Mo Nghè 2 dần bị mai một. Từ năm 2013, Hội Phụ nữ xã Quang Huy đã thành lập các tổ dệt nhằm duy trì nghề truyền thống của người Thái, đến nay vẫn còn duy trì.

tiên, thợ dệt sẽ mua sợi chưa nhuộm, đem giặt, nhào bột gạo, pha màu, cho sợi vào, sau đó vắt nước rồi đem phơi. Công đoạn này đòi hỏi kỹ thuật cao, bởi nếu không sợi dễ đứt. Việc phơi sợi phải dựa vào thời tiết, trời mưa nhiều sẽ không phơi được sợi, chỉ ngày nắng mới phơi. Tuy nhiên, sợi thành phẩm cho chất lượng tốt nhất nếu được phơi ở nơi có nhiều gió, trời không quá nhiều nắng. Hiện nay, thời tiết nắng mưa thất thường, việc phơi sợi nhuộm gặp nhiều khó khăn hơn, nhiều nghệ nhân ở đây buộc phải lựa chọn dùng sợi nhuộm công nghiệp. Sợi nhuộm sẵn thường đắt hơn 30.000 đ/kg so với sợi tự nhuộm. Những mặt chăn dệt bằng sợi tự nhuộm có giá thành rẻ từ 100.000 - 150.000 đ/cái so với mặt chăn làm từ sợi nhuộm công nghiệp (PVS, nữ, 60 tuổi, nông dân, bản Mo Nghè 2). Trong khi đó, khách hàng cũng có người thích mặt chăn dệt từ sợi màu công nghiệp nhưng cũng có nhiều khách hàng thích mặt chăn làm từ sợi tự nhuộm.

Về thời gian dệt vải: Nếu như trước đây, phụ nữ Thái thường dệt vải vào bất kỳ thời gian nào rảnh rỗi nào trong năm thì hiện nay do thời tiết quá nắng nóng không dệt được vải, người dân phải tranh thủ dệt vào lúc trời còn mát như buổi sáng (7h-10h) và chiều tối muộn (19h-23h). Với những người nhiều tuổi, việc phải thức khuya để dệt vải cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe của họ.

Người Thái nơi đây nổi tiếng với các sản phẩm dệt như chăn, vải may áo côm, vải kẻ, vải trắng... Trong đó, chăn là sản phẩm đem lại thu nhập cao nhất cho họ. Trung bình một phụ nữ Thái dệt khoảng 4 ngày được một mặt chăn, trừ các chi phí mua sợi, mỗi mặt chăn lãi 300.000 đ. Trước đây, mặt chăn được đặt làm nhiều, nhưng

hiện nay lượng tiêu thụ mặt chăn giảm hẳn. *Thời tiết nóng hơn thì lượng mua mặt chăn giảm hẳn, chỉ mua để trong nhà làm phép, làm thuốc thôi¹. Ngày xưa, mỗi nhà phải có hơn chục bộ chăn đệm, mỗi đứa con gái đi đến nhà chồng phải mang hơn 10 bộ. Hiện nay, con gái đi lấy chồng chỉ cần mang 4 bộ trở lại thôi, 2 bộ cho hai bố mẹ chồng, 2 bộ cho hai vợ chồng* (PVS, nữ, 54 tuổi, nông dân, bản Mo Nghè 2). Do nhu cầu về mặt chăn không còn nhiều, người Thái nơi đây chuyển sang dệt vải kẻ, vải trắng và dây thắt lưng. Khách hàng ưa thích nhất là vải kẻ dệt bằng len bóng. Để dệt được một tấm vải trắng dài từ 4 - 5 m, một phụ nữ Thái tập trung dệt chỉ hết 2 ngày, bán ra thị trường được khoảng 300.000 đ/tấm, nếu dệt thêm sợi len màu vào vải trắng thì sẽ bán được 500.000 đ/tấm. Trừ chi phí mua nguyên liệu, mỗi tấm vải trắng lãi 100.000 đ, vải trắng có sợi len lãi 250.000 đ/tấm. Thắt lưng tím một ngày có thể dệt được 3 chiếc, bán ra thị trường với giá 35.000 đ/chiếc (Điều tra thực địa, tháng 6/2020). So sánh với thu nhập từ làm ruộng, nghề dệt cũng đem lại thu nhập ngang bằng cho người Thái, thậm chí có lúc cao hơn so với làm lúa². Các sản phẩm dệt

¹ Trong quan niệm của người Thái, gia đình nào cũng phải có vài bộ chăn đệm giống như “bùa hộ mệnh” để trong nhà làm phép.

² Nếu tính giá thóc năm 2019, một hộ có 1.200 m² ruộng, mỗi vụ (vụ chiêm từ tháng 2-6, vụ mùa từ tháng 7-11) thu hoạch được từ 25-26 bao thóc sạch, mỗi yến bán được trung bình 80.000 đ, một bao trung bình 40 kg, tổng thu nhập từ làm ruộng mỗi vụ là 8.320.000 đ, cả năm là khoảng 17 triệu đồng chưa tính tiền phân bón. Từ đầu năm 2020, mỗi tuần một hộ dệt hết 5kg sợi để làm dây thắt lưng, vải trắng, giá sợi là 150.000 đ/kg; trừ chi phí, thu nhập từ sản phẩm này 1.100.000 đ, như vậy họ có lãi 350.000 đ/tuần, mỗi năm là hơn 18 triệu đồng. Nếu công việc đều, thu nhập từ dệt sẽ cao hơn thu nhập từ trồng lúa (Điều tra thực địa, tháng 6/2020).

của người Thái được chủ cửa hàng ở chợ thị trấn thu mua và mang đi tiêu thụ ở nhiều nơi khác. Theo các thợ dệt ở đây, trong khoảng từ năm 2018 trở lại đây, sản phẩm dệt làm ra đều được tiêu thụ.

b) Đi làm thuê/công nhân

Bắt đầu từ năm 2017, xu hướng đi làm thuê của cả người Thái ở Mo Nghè 2 và người Hmông ở Suối Ó tăng lên là do: i) thời gian này bắt đầu có nhiều công ty hoạt động tại địa phương đã thu hút lượng công nhân lớn; ii) sau năm 2017 - năm đánh dấu trận mưa lũ lịch sử ở huyện Phù Yên khiến sau đó nhiều thanh niên tại địa bàn khảo sát rủ nhau đi làm thuê ở các tỉnh ngoài. Như vậy, sự thay đổi của thời tiết ở nơi đây làm cho canh tác nông nghiệp trở nên khó khăn hơn cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến các nam thanh niên ở địa bàn khảo sát đi làm thuê ở các tỉnh xa nhiều hơn.

Nam giới người Thái và người Hmông độ tuổi từ 18-40 thường đi làm thuê ở các tỉnh xa. Tuy nhiên, số lượng thanh niên người Hmông đi làm thuê ở các tỉnh xa ít hơn nhiều so với người Thái (28 người so với 40 người). Họ làm thuê chủ yếu ở Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, cũng có khi ở Lâm Đồng, Bình Dương. Công việc thường là làm bóng điện, làm đồ nhựa, tạo hạt nhựa,... Những việc này không đòi hỏi người lao động phải có chuyên môn kỹ thuật cao, những người có sức khỏe tốt đều có thể làm được. Một số thanh niên người Thái và người Hmông đi làm ở tỉnh Bình Dương cho biết, trung bình họ được trả 8 triệu đồng/tháng khi làm ca ngày (7h30-21h), nếu làm ca đêm (từ 20h ngày hôm trước đến 7h30 ngày hôm sau) sẽ được trả 9 triệu đồng/tháng (Điều tra thực địa, tháng 10/2019).

So sánh với sản xuất nông nghiệp, người Hmông cho rằng, thu nhập từ việc đi làm thuê không cao hơn so với bán măng sặt: *Nếu so sánh với trồng măng sặt, nhà mình cũng trồng măng, trồng 5.000 m², ở đây đa số cả bản đều trồng măng, vụ măng năm 2020 cũng được giá, đầu mùa 30k/kg, cuối mùa 25k/kg, đầu mùa là tháng 3, cuối mùa là tháng 5; mưa đá không ảnh hưởng đến măng, trời mưa măng mọc nhanh hơn* (PVS, nam, 38 tuổi, nông dân, bản Suối Ó). Tuy nhiên điểm khác ở chỗ, đi làm thuê thì có lương hằng tháng và có một khoản tiền để đầu tư cho trồng trọt. Đa số những người đã đi làm thuê khi về thăm nhà đều không quay trở lại chỗ làm vì với bản tính của người Hmông, họ chưa thích nghi được với cách làm việc công nghiệp, cũng như họ không thể kiên nhẫn làm một chỗ trong một thời gian dài. Công việc họ làm được lâu nhất chỉ từ 1-2 năm, sau đó họ vẫn quay trở về làm ruộng nương. *Tôi chưa từng ra khỏi bản, chưa quen với làm việc công nghiệp. Nếu ở nhà, thích làm nương thì đi làm nương, thích nghỉ đi uống rượu thì nghỉ, nên chưa thể quen với tác phong làm việc công nghiệp theo giờ cố định* (PVS, nam, 28 tuổi, nông dân, bản Suối Ó). Sự chuyển đổi công việc thường xuyên sẽ trở nên khó khăn nếu họ muốn nâng cao tay nghề và có thu nhập tốt hơn. Trong khi đó, người Thái chỉ có diện tích eo hẹp là đất trồng lúa, canh tác 2 vụ/năm, chưa tính mất mát do thời tiết và các rủi ro khác nên họ cho rằng thu nhập từ làm thêm cao hơn làm ruộng: *Tôi đi làm nhận lương theo tháng, làm ruộng 1 vụ được 3-4 tạ thóc, đi làm hai vợ chồng ít nhất cũng được 10 triệu/tháng, bằng cả năm làm ruộng* (PVS, nữ, 26 tuổi, công nhân, bản Mo Nghè 2).

Đối với nữ giới người Thái ở bản Mo Nghè 2 và người Hmông ở Suối Ó lại có những công việc khác nhau. Với người Thái, họ tham gia làm công nhân may da giày tại các công ty ở địa phương. Thống kê đến tháng 12/2019 của UBND xã Quang Huy (2019a), bản Mo Nghè 2 có 135 người tham gia công việc này với thu nhập trung bình sau khi trừ các khoản tiền ăn là 4 triệu/tháng, ai làm tăng ca sẽ được khoảng 5-6 triệu/tháng. Ở bản Suối Ó, nữ giới chỉ ở lại bản để làm nông nghiệp và chăm sóc gia đình. Lý giải cho điều này là do phụ nữ người Hmông ở đây đa số không biết chữ, điều đó khiến họ mặc cảm khi đi làm công nhân nên họ không tìm kiếm được công việc khác và nguồn thu hỗ trợ gia đình.

4. Thuận lợi và rào cản thích ứng với biến đổi khí hậu trong sinh kế phi nông nghiệp của người Hmông và người Thái

a) Về thuận lợi

Trong thời qua, người Hmông ở bản Suối Ó, người Thái ở bản Mo Nghè 2 và cộng đồng dân tộc trên địa bàn xã Quang Huy nói chung đều nhận được sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền các cấp, trong đó có chính sách chuyển đổi cơ cấu lao động tại địa phương. Theo thống kê năm 2018 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phù Yên, trên địa bàn huyện có 48 công ty hoạt động, trong đó có 2 nhà máy (Nhà máy giày da Ngọc Hà, Công ty cổ phần gạch Tuy nen Anh Sơn) tại xã Quang Huy. Điều này đã tạo việc làm ổn định cho nhiều công nhân lao động tại địa phương. Và đây được coi là một hướng sinh kế mới cho người Thái, đặc biệt là nữ giới.

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động, người Thái thay đổi nhanh, diễn ra ở cả nam giới và nữ giới; người Hmông chủ yếu ở nam giới. Số lượng nam giới người

Hmông đi làm ăn xa có xu hướng tăng nhưng tăng chậm. Việc làm thêm đã phần nào giải quyết được sự thiếu hụt thu nhập để trang trải cuộc sống hằng ngày cũng như vốn đầu tư cho sản xuất khi mà nông nghiệp chưa đến vụ thu hoạch.

Nơi cư trú của người Thái ở bản Mo Nghè 2 có sự thuận lợi về đường giao thông, nên người Thái có điều kiện giao lưu, tiếp xúc tìm hiểu và chia sẻ kinh nghiệm làm ăn. Người dân nơi đây đã có nhu cầu mua bán và làm quen với kinh tế thị trường. Dọc tỉnh lộ có nhiều cửa hàng kinh doanh được mở ra: bán hàng tạp hóa, bán hàng ăn uống, bán thực phẩm, cửa hàng may đo,... Các sản phẩm nông nghiệp của địa phương hay sản phẩm dệt truyền thống được tiêu thụ dễ dàng hơn.

Một điểm nữa là người Thái chiếm tỷ lệ lớn (79,12%) trong cơ cấu dân số toàn xã Quang Huy. Điều này khiến mạng lưới người thân, bạn bè ở người Thái khá phát triển. Cụ thể là ở cộng đồng người Thái vẫn còn duy trì các tổ dệt, điều này vừa có tác dụng duy trì nghề dệt truyền thống, vừa làm tăng thêm thu nhập cho người dân khiến họ không chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, 100% người Thái ở địa phương có thể sử dụng thành thạo tiếng phổ thông, khả năng giao tiếp ngôn ngữ phổ thông tốt khiến người Thái có nhiều cơ hội tìm kiếm công việc hơn. Minh chứng cho điều này là sự đa dạng trong cơ cấu việc làm của người Thái, như: làm công chức, kinh doanh dịch vụ, làm công nhân, làm thuê, làm nông nghiệp.

b) Về rào cản

Trong quá trình chuyển đổi lao động, nam giới người Hmông đi làm ăn xa, công việc ruộng nương và chăm sóc gia đình, cha mẹ già... đều đặt lên vai người phụ

nữ. Đây là lý do khiến đàn ông Hmông không yên tâm với công việc làm thêm của mình. Họ chỉ đi làm thêm được khoảng 2-3 tháng hoặc lâu nhất là 6 tháng là nghỉ việc. Điều này khiến tay nghề của họ khó được nâng cao, đồng nghĩa với mức lương mà họ nhận được thấp hơn so với những người có tay nghề cao và làm việc lâu năm. Một điểm đáng chú ý nữa là, mục đích đi làm thuê của thanh niên người Hmông là kiếm tiền sau đó về đầu tư cho sản xuất nông nghiệp. Điều này cho thấy cộng đồng người Hmông vẫn còn phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp.

Đối với người Thái, phần lớn thanh niên đi làm ăn xa khiến gánh nặng công việc chăm sóc ruộng vườn chủ yếu do những người không còn trẻ tuổi đảm nhiệm. Điều này đặt ra một thách thức trong việc đảm bảo sức khỏe cho người lớn tuổi trong gia đình.

Đối với phụ nữ Hmông, họ sinh sống ở vùng có giao thông đi lại khó khăn, ít có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội. Bên cạnh đó, phụ nữ Hmông có trình độ học vấn thấp, đa số trung học cơ sở, ít có khả năng sử dụng tiếng phổ thông (Điều tra thực địa tháng 6/2020). Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến họ không tự tin, ngại giao tiếp với xã hội bên ngoài, sống khép kín và khó kiếm tìm nguồn thu nhập mới khi cuộc sống gặp khó khăn.

Điều kiện cơ sở hạ tầng tại bản Suối Ó còn nhiều khó khăn, bản chưa có điện lưới quốc gia. Đường nối bản với trung tâm xã là đường đất lầy gạch đá, xe ô tô không lên được trung tâm bản, quãng đường dài 7 km nối bản với trung tâm xã không thể di chuyển bằng các phương tiện giao thông vào mùa mưa. Đây chính là lý do khiến các sản phẩm nông nghiệp của địa phương khó có thể tiêu thụ được. Vì vậy, hoạt động

thương mại dịch vụ bị cản trở hơn so với người Thái ở bản Mo Nghè 2. Hơn nữa, giao thông khó khăn cũng làm giảm khả năng liên kết với bên ngoài, khả năng tiếp cận thông tin về BĐKH còn nhiều hạn chế.

5. Kết luận

Các chỉ số và cảm nhận của người dân về khí hậu đều cho thấy, trong khoảng 10 năm trở lại đây khí hậu ở khu vực huyện Phù Yên đang biến đổi rõ rệt. Xem xét tác động của BĐKH dưới khía cạnh sinh kế phi nông nghiệp cho thấy: *Với người Thái:* i) Cả nam và nữ đều lựa chọn đi làm thuê. Tuy nhiên, trong khi nam giới người Thái lựa chọn đi làm ăn xa ngoài tỉnh trong thời gian dài, thì nữ giới lại chọn làm công nhân tại địa phương với thu nhập ổn định; ii) Trong nghề thủ công truyền thống, người Thái lựa chọn thay đổi thời gian dệt, nguyên liệu dệt và sản phẩm cung cấp ra thị trường. *Với người Hmông,* họ chỉ có một lựa chọn đó là nam giới đi làm ăn xa, còn phụ nữ chăm sóc gia đình và ruộng nương. So sánh những thuận lợi và rào cản ở cả hai cộng đồng người Hmông ở bản Suối Ó và người Thái ở bản Mo Nghè 2 cho thấy: Cộng đồng người Thái nhờ có đường giao thông cũng như cơ sở hạ tầng thuận lợi, khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng phổ thông, mạng lưới đồng tộc rộng nên họ có sinh kế đa dạng, ít phụ thuộc vào nông nghiệp và dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của thời tiết. Trong khi đó, cộng đồng người Hmông với đường giao thông đi lại khó khăn, khả năng giao tiếp bằng tiếng phổ thông hạn chế và trình độ học vấn ở nữ giới thấp khiến các hoạt động sinh kế của họ không có sự đa dạng, phụ thuộc phần lớn vào sản xuất nông nghiệp. Điều này khiến họ khó khăn hơn trong quá trình chuyển đổi sinh kế nhằm thích ứng với BĐKH □

Tài liệu tham khảo

1. CECI (2002-2005), *Xây dựng năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu ở miền Trung Việt Nam*, Báo cáo Dự án.
2. CERED (2008), *Người nghèo và sự ứng phó với biến đổi khí hậu*, Báo cáo Dự án.
3. FAO và Hội đồng châu Âu (2012), *Nông nghiệp biến đổi khí hậu: kết hợp hài hòa giữa giảm thiểu, thích nghi và an ninh lương thực*, Báo cáo Dự án.
4. Trần Hồng Hạnh (2018), *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng núi Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Mai Trọng Nhuận (2004), *Nghiên cứu, đánh giá mức độ bị tổn thương của đời duyên hải Nam Trung bộ làm cơ sở khoa học để giảm nhẹ tai biến, quy hoạch sử dụng đất bền vững*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. UBND xã Quang Huy (2019a), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020*.
7. UBND xã Quang Huy (2019b), *Báo cáo Tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2015-2018*.
8. UBND huyện Phù Yên (2019), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020*.
9. UBND tỉnh Sơn La (2018), *Kế hoạch hành động với biến đổi khí hậu của tỉnh Sơn La giai đoạn 2010-2020* (thuộc danh mục các nhiệm vụ, dự án thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia với biến đổi khí hậu giai đoạn 2009-2015 kèm theo Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg).
10. UBND tỉnh Sơn La (2019), *Địa chí Sơn La*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
11. UNFCCC (2007), *Climate change: Impacts, vulnerabilities, and adaptation in developing countries*, Bonn, UNFCCC, Germany.
12. Trạm khí tượng thủy văn huyện Phù Yên (2019), *Báo cáo số liệu khí hậu huyện Phù Yên giai đoạn 2007-2017*.
13. Viện Môi trường nông nghiệp (2012), *Đánh giá tác động, xác định các giải pháp, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ.
14. Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
15. Phạm Thị Cẩm Vân (2018), “Kinh nghiệm thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của người dân ở tỉnh Cà Mau”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 2, tr. 77-87.